

THÔNG BÁO

Về việc danh sách dự kiến công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP-AN) cho sinh viên các khóa đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học, đào tạo Từ xa – Đợt tháng 9 năm 2025

Căn cứ Thông báo số 2912/TB-ĐHTCM-ĐTTX ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên về việc nộp chứng chỉ, giấy chứng nhận, bảng điểm, hồ sơ liên quan để xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập, miễn học các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP-AN) đối với sinh viên các khóa đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học, Từ xa đã có chứng chỉ, giấy chứng nhận, bảng điểm từ các cơ sở đào tạo hoặc hồ sơ từ đơn vị liên quan khác.

Căn cứ kết quả học tập học phần GDTC, GDQP-AN của sinh viên nộp về Viện Đào tạo thường xuyên.

Nhà trường thông báo danh sách dự kiến công nhận hoàn thành chương trình GDTC, GDQP-AN cho sinh viên như sau (danh sách đính kèm).

Đề nghị sinh viên xem kỹ kết quả theo danh sách đính kèm và phản hồi về Viện Đào tạo thường xuyên từ ngày ra Thông báo đến hết ngày **19/10/2025**. Nếu sinh viên không phản hồi thông tin về kết quả trong thời gian trên, thì Nhà trường xem như sinh viên đồng ý với kết quả dự kiến này. Những sinh viên chưa đủ điều kiện xét đợt này, sinh viên theo dõi thông báo nộp vào đợt sau tại website: ice.ufm.edu.vn.

Mọi vấn đề liên quan, đề nghị sinh viên liên hệ trực tiếp Viện Đào tạo thường xuyên: Phòng D.004, Số 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, TP. Hồ Chí Minh (điện thoại 028.3997.7171 – 0986.08.4242, email: ice@ufm.edu.vn) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thông báo đến sinh viên;
- Website ice;
- Lưu: ĐTTX.

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYỀN**



Lương Quảng Đức

**DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
CÁC KHÓA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, TỪ XA - ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 19/TB-ĐTTX ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên, Trường Đại học Tài chính - Marketing)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt vô đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
1	2272110021	Nguyễn Kim	Yến	22XDH2K1-TA1.VT	X	X	X	X							Đạt	
2	2363901004	Nguyễn Thị Ngân	Quỳnh	23CDK19KT.TN											Không đạt	bảng điểm không có môn GDTC
3	2363906008	Trần Phú	Quốc	23CDK19QT3.TN	X	X									Đạt	
4	2362301006	Lê Phúc	Trọng	23DH2K9-KT3		X	X	X							Đạt	
5	2362906005	Trịnh Nguyễn Ngọc	Phương	23DH2K9QT.TN	X	X	X	X							Đạt	
6	2362210067	Lê Thị Mỹ	Tiên	23DH2K9-TA2.Q7		X			X	X					Đạt	
7	2362210066	Nguyễn Thị Hà	Trang	23DH2K9-TA2.Q7		X			X	X					Đạt	
8	2361312054	Phạm Lê Ngân	Giang	23DHK19-KQ3.H		X							X		Bổ sung 2 tín chỉ	
9	2372210064	Lý Minh	Doanh	23XDH2K2-TA2.Q8	X	X			X						Đạt	
10	2372210066	Nguyễn Thị Thùy	Dung	23XDH2K2-TA2.Q8		X		X							Bổ sung 2 tín chỉ	
11	2372210104	Trương Văn	Anh	23XDH2K2-TA2.VT	X	X		X							Đạt	
12	2372210006	Lê Thị Khánh	Chi	23XDH2K2-TA2.VT	X	X		X							Đạt	
13	2372210031	Đồng Lê	Nam	23XDH2K2-TA2.VT	X	X		X							Đạt	
14	2372210033	Ngô Thị Thảo	Nguyên	23XDH2K2-TA2.VT	X	X		X							Đạt	
15	2372210038	Phùng Minh	Phượng	23XDH2K2-TA2.VT	X	X		X							Đạt	
16	2372210045	Lưu Ngọc Hoàn	Thịnh	23XDH2K2-TA2.VT	X	X		X							Đạt	
17	2372210049	Nguyễn Thị	Thùy	23XDH2K2-TA2.VT	X	X		X							Đạt	
18	2372210060	Huỳnh Thị Thúy	Vy	23XDH2K2-TA2.VT	X	X		X							Đạt	
19	2463901007	Nguyễn Thị Hồng	Lài	24V.CKT20.4TN	X	X		X							Đạt	
20	2463901008	Nguyễn Khánh	Linh	24V.CKT20.4TN	X	X		X							Đạt	
21	2463901011	Phạm Thị Cẩm	Nhung	24V.CKT20.4TN	X	X	X	X							Đạt	
22	2463901019	Lâm Thị Thanh	Thảo	24V.CKT20.4TN	X	X		X							Đạt	
23	2463307039	Trần Thị Bảo	Yến	24V.CMA20.3NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
24	2463204027	Nguyễn Minh	Thắng	24V.CTC20.2NK	X	X		X							Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD ND	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
25	2463204028	Nguyễn Minh	Thiện	24V.CTC20.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
26	2462901002	Nguyễn Lâm Thảo	Phuong	24V.DKT10.4TN											Không đạt	bảng điểm không có môn GDTC
27	2462101001	Lê Thị Mỹ	An	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
28	2462101025	Lê Bảo	An	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
29	2462101026	Trần Thị Mỹ	Anh	24V.DTA1.1AG											Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
30	2462110003	Phan Thị Mỹ	Dung	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
31	2462101029	Huỳnh Văn	Giàu	24V.DTA1.1AG	X	X	X	X							Đạt	
32	2462101030	Đặng Thị Xuân	Hoa	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
33	2462101012	Ngô Văn	Minh	24V.DTA1.1AG											Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
34	2462101013	Nguyễn Văn	Nòn	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
35	2462101015	Nguyễn Thị Kim	Ngân	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
36	2462101014	Ngô Thị Hồng	Nhung	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
37	2462101020	Lê Văn	Toàn	24V.DTA1.1AG											Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
38	2462101035	Quách Cao	Thanh	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
39	2462101023	Đoàn Thị	Xuân	24V.DTA1.1AG	X	X		X							Đạt	
40	2461306017	Trần Thị Phương	Nhung	24V.PQT20.3NK				X				X	X		Đạt	
41	2472310101	Huỳnh Kim	Huy	24X.DTA3.1.HVPN	X	X	X								Đạt	
42	2472310209	Lương Ngô Thành	Công	24X.DTA3.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
43	2472310017	Nguyễn Văn	Hiền	24X.DTA3.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
44	2472310019	Phan Quang	Huy	24X.DTA3.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
45	2472310196	Nguyễn Phương	Linh	24X.DTA3.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
46	2472310029	Lê Hoài	Nam	24X.DTA3.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
47	2472310039	Huỳnh Châu Hiếu	Thảo	24X.DTA3.1.ILFM	X	X				X					Đạt	
48	2472310215	Lê Tiến	Hòa	24X.DTA3.1.LTT	X	X		X							Đạt	
49	2472310185	Ông Thị Ngọc	Linh	24X.DTA3.1.LTT											Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt
50	2563122022	Trương Thị Ngọc	Ánh	25V.CKQ21.2NK				X	X						Bổ sung 1 tín chỉ	
51	2563122014	Đình Thanh Thúy	Hà	25V.CKQ21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
52	2563122006	Nguyễn Kim	Ngân	25V.CKQ21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
53	2563122011	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	25V.CKQ21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Bóng chuyên	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD ND	Bóng bàn	Bóng đá	Viết võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
54	2563062021	Hà Thúy	Vân	25V.CKQ21.2NK				X	X						Bổ sung 1 tín chỉ	
55	2563062022	Hà Thúy	Vi	25V.CKQ21.2NK				X	X						Bổ sung 1 tín chỉ	
56	2563122021	Nguyễn Mạnh	Vĩ	25V.CKQ21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
57	2563122018	Phạm Thị Khánh	Vy	25V.CKQ21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
58	2563012019	Đoàn Bùi Thu	Hà	25V.CKT21.2NK		X		X							Đạt	
59	2563012043	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	25V.CKT21.2NK	X	X		X							Đạt	
60	2563012033	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	25V.CKT21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
61	2563012034	Trần Thị	Hồng	25V.CKT21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
62	2563012021	Đỗ Ngọc	Huyền	25V.CKT21.2NK		X			X						Bổ sung 1 tín chỉ	
63	2563012036	Vũ Thị	Hường	25V.CKT21.2NK	X	X		X							Đạt	
64	2563012044	Phan Thị Thu	Lan	25V.CKT21.2NK				X	X						Bổ sung 1 tín chỉ	
65	2563012022	Lương Thị Thùy	Linh	25V.CKT21.2NK	X	X		X							Đạt	
66	2563012003	Huỳnh Nhật Phương	Mai	25V.CKT21.2NK											Không đạt	nộp sai chứng chỉ
67	2563012026	Đào Thị Mỹ	Ngọc	25V.CKT21.2NK	X	X		X							Đạt	
68	2563012046	Đặng Nam	Nguyên	25V.CKT21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
69	2563012005	Đặng Hồng	Nhi	25V.CKT21.2NK	X	X		X	X						Đạt	
70	2563012006	Nguyễn Hà Quỳnh	Như	25V.CKT21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
71	2563012007	Huỳnh Thanh	Phương	25V.CKT21.2NK		X	X								Bổ sung 1 tín chỉ	
72	2563012027	Đào Thị Ái	Phượng	25V.CKT21.2NK	X	X		X							Đạt	
73	2563012011	Trần Minh	Quang	25V.CKT21.2NK				X							Bổ sung 2 tín chỉ	
74	2563012048	Đỗ Thị	Sang	25V.CKT21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
75	2563012038	Nguyễn Thị Kim	Tiền	25V.CKT21.2NK	X	X		X							Đạt	
76	2563012029	Lê Thị	Thúy	25V.CKT21.2NK	X	X		X							Đạt	
77	2563012039	Nguyễn Hoài	Thương	25V.CKT21.2NK	X	X		X							Đạt	
78	2563012013	Võ Thị Minh	Trang	25V.CKT21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
79	2563012042	Nguyễn Thị Phương	Trình	25V.CKT21.2NK											Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt
80	2563012015	Đặng Thị Thanh	Trúc	25V.CKT21.2NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
81	2563012031	Hà Thị Thanh	Vân	25V.CKT21.2NK											Không đạt	bảng điểm không có môn GDTC
82	2563012016	Phạm Thị Long	Xuyên	25V.CKT21.2NK		X		X							Đạt	
83	2563012017	Phan Thị Tố	Yên	25V.CKT21.2NK											Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Bóng chuyền	Điền kính	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD ND	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
84	2563072010	Đàm Tiến	Hung	25V.CMA21.2NK1		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
85	2563072021	Trần Thị Hồng	Nhi	25V.CMA21.2NK1											Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt
86	2563072101	Vũ Đoàn Ánh	Tuyết	25V.CMA21.2NK1											Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt
87	2563072037	Trịnh Thị Quỳnh	Thương	25V.CMA21.2NK1		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
88	2563072042	Nguyễn Phạm Thu	Uyên	25V.CMA21.2NK1		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
89	2563072044	Nguyễn Phạm Xuân	Vy	25V.CMA21.2NK1		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
90	2563072051	Đỗ Minh	Anh	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
91	2563072056	Đặng Thị Mỹ	Duyên	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
92	2563072068	Phạm Thị Hồng	Ngân	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
93	2563072047	Ngô Sơn	Nghĩa	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
94	2563072048	Nguyễn Thị Yến	Oanh	25V.CMA21.2NK2	X	X		X							Đạt	
95	2563072088	Trần Thị Ngọc	Thảo	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
96	2563072075	Đỗ Thị Kim	Thoa	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
97	2563072076	Nguyễn Yến	Thoa	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
98	2563072074	Nguyễn Thị Anh	Thoa	25V.CMA21.2NK2											Không đạt	bảng điểm bị mờ không thấy rõ
99	2563072078	Bùi Thị Anh	Thư	25V.CMA21.2NK2	X	X		X							Đạt	
100	2563072080	Võ Nguyễn Phương	Uyên	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
101	2563072050	Lưu Quốc	Vương	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
102	2563072091	Trương Thúy	Vy	25V.CMA21.2NK2		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
103	2563072046	Trần Huỳnh Như	Ý	25V.CMA21.2NK2				X	X						Bỏ sung 1 tín chỉ	
104	2561407031	Trần Chí	Hiếu	25V.CMA21.3NK											Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt
105	2563062004	Phạm Thị Hồng	Hạnh	25V.CQT21.2NK				X					X		Bỏ sung 1 tín chỉ	
106	2563062010	Phạm Thị Minh	Mẫn	25V.CQT21.2NK		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
107	2563062016	Lê Thị Thu	Thảo	25V.CQT21.2NK		X		X							Bỏ sung 1 tín chỉ	
108	2563062034	Nguyễn Thị Thu	Thảo	25V.CQT21.2NK	X	X		X							Đạt	
109	2563062019	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25V.CQT21.2NK				X	X						Bỏ sung 1 tín chỉ	
110	2563062037	Vũ Thị Thu	Trang	25V.CQT21.2NK	X	X		X							Đạt	
111	2563062023	Lê Thị Kim	Xuân	25V.CQT21.2NK				X	X						Bỏ sung 1 tín chỉ	
112	2563062025	Ngô Hồng	Yến	25V.CQT21.2NK											Không đạt	nộp sai chứng chỉ

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD ND	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
113	2561406023	Trần Thị Tuyết	Nhi	25V.CQT21.3NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
114	2563041025	Mai Đức Thành	Công	25V.CTC21.1NK											Không đạt	bảng điểm không có môn GDTC
115	2563041003	Dương Thị Thùy	Dương	25V.CTC21.1NK											Không đạt	bảng điểm không có môn GDTC
116	2563041030	Huỳnh Trung	Hiếu	25V.CTC21.1NK	X	x									Bổ sung 1 tín chỉ	
117	2563041034	Ong Bích	Liên	25V.CTC21.1NK	X	X		X							Đạt	
118	2563041042	Phan Thị Cẩm	Mỹ	25V.CTC21.1NK	X	X		X							Đạt	
119	2563041045	Nguyễn Đoàn Mai	Trâm	25V.CTC21.1NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
120	2563041049	Lê Hoàng	Vũ	25V.CTC21.1NK	X			X				X			Đạt	
121	2563041050	Hồ Vương	Vương	25V.CTC21.1NK		X		X							Bổ sung 1 tín chỉ	
122	2563041051	Đặng Thị Thanh	Xuân	25V.CTC21.1NK	X	X		X							Đạt	
123	2562012005	Lê Kim	Ngọc	25V.DKT11.2NK											Không đạt	bảng điểm bị mờ không thấy rõ
124	2562041002	Đoàn Yến	Ly	25V.DTC11.1NK											Không đạt	bảng điểm bị mờ không thấy rõ
125	2561073034	Hà Văn	An	25V.PMA21.3NK		X		X			X				Đạt	
126	2561073019	Phan Như	Hào	25V.PMA21.3NK		X		X					X		Đạt	
127	2572104029	Châu Thị	Lài	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
128	2572104037	Hồ Đức	Nguyên	25X.DTA4.1.ILFM		X		X						X	Đạt	
129	2572104096	Nguyễn Thanh	Phong	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
130	2572104106	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
131	2572104045	Nguyễn Hồng	Thái	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
132	2572104046	Huỳnh Phạm Anh	Thảo	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
133	2572104107	Võ Thị Thu	Thảo	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
134	2572104049	Huỳnh Phước	Thiện	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
135	2572104114	Trần Thị Hoài	Thương	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
136	2572104054	Nguyễn Thị Hồng	Trân	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
137	2572104118	Tô Thành	Trung	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
138	2572104059	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	25X.DTA4.1.ILFM	X	X		X							Đạt	
139	2572104169	Nguyễn Ngọc Băng	Tâm	25X.DTA-K4.2	X	X		X							Đạt	

Tổng số sinh viên theo danh sách: 139 sinh viên./.

**DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
CÁC KHÓA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, TỪ XA - ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 19/TB-DTXX ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên, Trường Đại học Tài chính - Marketing)

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Kết quả	Ghi chú
1	2363312015	Nguyễn Quốc	Việt	29/01/1996	23CDK19-KQ3	Nam	X	X	X	X	Đạt	
2	2363906019	Võ Thị Như	Quỳnh	26/08/1996	23CDK19QT3.TN	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
3	2363906012	Phan Hoàng Thu	Trâm	12/10/1996	23CDK19QT3.TN	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
4	2372210002	Vũ Ngọc	Anh	09/4/1990	23XDH2K2-TA2.VT	Nam	X	X	X	X	Đạt	
5	2372210100	Nguyễn Thị Trường	Hân	02/01/1982	23XDH2K2-TA2.VT	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
6	2372210019	Phạm Thị	Huệ	08/12/1983	23XDH2K2-TA2.VT	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
7	2372210031	Đồng Lê	Nam	02/12/1979	23XDH2K2-TA2.VT	Nam	X	X	X	X	Đạt	
8	2372210033	Ngô Thị Thảo	Nguyên	28/4/1981	23XDH2K2-TA2.VT	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
9	2372210038	Phùng Minh	Phượng	17/5/1982	23XDH2K2-TA2.VT	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
10	2372210040	Nguyễn Hữu	Quyết	26/9/1979	23XDH2K2-TA2.VT	Nam	X	X	X	X	Đạt	
11	2372210049	Nguyễn Thị	Thủy	02/11/1978	23XDH2K2-TA2.VT	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
12	2372210060	Huỳnh Thị Thúy	Vy	23/4/1989	23XDH2K2-TA2.VT	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
13	2463307012	Lữ Phạm Định	Nguyên	26/6/2003	24V.CMA20.3NK	Nam	X	X			Bổ sung học phần 3,4	nộp bổ sung 1 bảng điểm về Viện.
14	2463204016	Chu Thị Kim	Anh	13/6/2000	24V.CTC20.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
15	2463204022	Phạm Ngọc	Nam	17/9/2000	24V.CTC20.2NK	Nam	X	X	X	X	Đạt	
16	2463204024	Huỳnh Minh	Tín	12/8/1995	24V.CTC20.2NK	Nam	X	X	X	X	Đạt	
17	2463204028	Nguyễn Minh	Thiện	15/11/2003	24V.CTC20.2NK	Nam	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
18	2462101025	Lê Bảo	An	18/5/1987	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
19	2462110001	Lê Thị Mỹ	An	09/4/1987	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
20	2462101026	Trần Thị Mỹ	Anh	14/5/1998	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
21	2462101027	Đoàn Quốc	Bảo	29/9/1978	24V.DTA1.1AG	Nam	chứng nhận chương trình bồi dưỡng				Không đạt	
22	2462101028	Huỳnh Thị	Diệu	22/3/1993	24V.DTA1.1AG	Nữ	chứng nhận chương trình bồi dưỡng				Không đạt	
23	2462110003	Phan Thị Mỹ	Dung	11/5/1991	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
24	2462110004	Võ Việt	Dũng	16/10/1974	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Kết quả	Ghi chú
25	2462110005	Trần Công	Đạt	07/7/1997	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
26	2462110006	Phan Huân	Đặng	11/11/1978	24V.DTA1.1AG	Nam	chứng nhận chương trình bồi dưỡng				Không đạt	
27	2462101029	Huỳnh Văn	Giàu	13/3/1990	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
28	2462101030	Đặng Thị Xuân	Hoa	04/3/1993	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
29	2462110007	Quách Mỹ	Huê	27/3/1984	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
30	2462101008	Kiều Thanh	Huy	08/4/1976	24V.DTA1.1AG	Nam	chứng nhận chương trình bồi dưỡng				Không đạt	
31	2462101011	Lê Thanh	Long	01/4/1994	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
32	2462101012	Ngô Văn	Minh	18/9/1994	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
33	2462101031	Huỳnh Hồng	Nam	1981	24V.DTA1.1AG	Nam	chứng nhận chương trình bồi dưỡng				Không đạt	
34	2462101013	Nguyễn Văn	Nòn	8/12/1984	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
35	2462101015	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/7/1989	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
36	2462101017	Hồ Phạm Ngọc	Ngời	26/8/2001	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
37	2462101014	Ngô Thị Hồng	Nhung	01/01/1993	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
38	2462101033	Phạm Thị Trúc	Phuong	20/3/1982	24V.DTA1.1AG	Nữ					Không đạt	
39	2462101034	Phó Trung	Tính	20/01/1994	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
40	2462101020	Lê Văn	Toàn	19/10/1993	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
41	2462101021	Trần Quốc	Tuấn	02/11/1990	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
42	2462101035	Quách Cao	Thanh	24/10/1981	24V.DTA1.1AG	Nam	X	X	X	X	Đạt	
43	2462101023	Đoàn Thị	Xuân	05/12/1991	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
44	2462101024	Trần Ngọc	Yến	23/6/1998	24V.DTA1.1AG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
45	2461306017	Trần Thị Phương	Nhung	06/09/1996	24V.PQT20.3NK	Nữ					Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt, không có mộc
46	2472310057	Ngô Phan Hồng	Cúc	04/9/1985	24X.DTA3.1.HCQG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
47	2472310062	Huỳnh Minh	Hằng	30/12/1976	24X.DTA3.1.HCQG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
48	2472310085	Ngô Thị Thanh	Thư	11/3/1993	24X.DTA3.1.HCQG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
49	2472310088	Nguyễn Hoàng Thục	Uyên	06/6/2001	24X.DTA3.1.HCQG	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
50	2472310101	Huỳnh Kim	Huy	13/06/1997	24X.DTA3.1.HVPN	Nam	X	X	X	X	Đạt	
51	2472310106	Trần Văn	Tuấn	05/03/1996	24X.DTA3.1.HVPN	Nam	X	X	X	X	Đạt	
52	2472310209	Lương Ngô Thành	Công	16/7/2001	24X.DTA3.1.ILFM	Nam	X	X	X	X	Đạt	
53	2472310009	Trần Cao	Duyên	25/8/2002	24X.DTA3.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
54	2472310169	Phạm Thị Thanh	Hiền	05/3/1998	24X.DTA3.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
55	2472310017	Nguyễn Văn	Hiền	26/4/1987	24X.DTA3.1.ILFM	Nam	X	X	X	X	Đạt	
56	2472310019	Phan Quang	Huy	17/02/1997	24X.DTA3.1.ILFM	Nam	X	X	X	X	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Kết quả	Ghi chú
57	2472310021	Lê Nữ Diễm	Hương	09/02/1982	24X.DTA3.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
58	2472310196	Nguyễn Phương	Linh	28/9/1987	24X.DTA3.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
59	2472310030	Phùng Vũ Bảo	Ngọc	08/01/1989	24X.DTA3.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
60	2472310207	Phạm Thị Ngọc	Thanh	21/8/2001	24X.DTA3.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
61	2472310039	Huỳnh Châu Hiếu	Thảo	17/9/2002	24X.DTA3.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
62	2472310175	Thiều Đặng Anh	Thư	28/01/1993	24X.DTA3.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
63	2472310215	Lê Tiến	Hòa	21/11/1994	24X.DTA3.1.LTT	Nam	X	X	X	X	Đạt	
64	2472310185	Ông Thị Ngọc	Linh	26/05/1986	24X.DTA3.1.LTT	Nữ					Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt
65	2563122022	Trương Thị Ngọc	Ánh	07/03/2003	25V.CKQ21.2NK	Nữ					Không đạt	
66	2563122014	Đinh Thanh Thúy	Hà	24/01/2003	25V.CKQ21.2NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
67	2563122019	Trần Thụy	Hương	28/04/1999	25V.CKQ21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
68	2563122005	Hoàng Thị Phương	Nam	09/12/2002	25V.CKQ21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
69	2563122006	Nguyễn Kim	Ngân	30/03/2002	25V.CKQ21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
70	2563122011	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	24/8/2004	25V.CKQ21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
71	2563062021	Hà Thúy	Vân	29/10/2003	25V.CKQ21.2NK	Nữ					Không đạt	
72	2563062022	Hà Thúy	Vi	29/10/2003	25V.CKQ21.2NK	Nữ					Không đạt	
73	2563122021	Nguyễn Mạnh	Vĩ	19/8/1991	25V.CKQ21.2NK	Nam	X	X	X	X	Đạt	
74	2563122018	Phạm Thị Khánh	Vy	06/08/2004	25V.CKQ21.2NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
75	2563012019	Đoàn Bùi Thu	Hà	08/09/2003	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
76	2563012043	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	28/7/1998	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
77	2563012033	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	20/04/2000	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
78	2563012034	Trần Thị	Hồng	15/01/2000	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
79	2563012021	Đỗ Ngọc	Huyền	21/03/2003	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	
80	2563012044	Phan Thị Thu	Lan	31/12/2002	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
81	2563012022	Lương Thị Thùy	Linh	14/12/1996	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Kết quả	Ghi chú
82	2563012045	Ngô Thùy	Linh	15/08/2001	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt, không có mộc
83	2563012003	Huỳnh Nhật Phương	Mai	26/02/2000	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
84	2563012025	Trần Thị Tuyết	Ngân	15/08/2004	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
85	2563012026	Đào Thị Mỹ	Ngọc	15/11/2002	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
86	2563012046	Đặng Nam	Nguyễn	24/04/2000	25V.CKT21.2NK	Nam	X	X	X	X	Đạt	
87	2563012005	Đặng Hồng	Nhi	06/10/2002	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
88	2563012006	Nguyễn Hà Quỳnh	Như	22/09/1995	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
89	2563012007	Huỳnh Thanh	Phương	11/11/1999	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
90	2563012027	Đào Thị Ái	Phượng	30/10/1996	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
91	2563012011	Trần Minh	Quang	30/01/1989	25V.CKT21.2NK	Nam	X	X	X	X	Đạt	
92	2563012048	Đỗ Thị	Sang	15/02/2000	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
93	2563012038	Nguyễn Thị Kim	Tiền	25/03/1991	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
94	2563012029	Lê Thị	Thúy	08/11/1984	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
95	2563012039	Nguyễn Hoài	Thương	23/09/1995	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
96	2563012013	Võ Thị Minh	Trang	20/8/1997	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
97	2563012042	Nguyễn Thị Phương	Trinh	07/06/2004	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
98	2563012015	Đặng Thị Thanh	Trúc	22/02/2003	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
99	2563012031	Hà Thị Thanh	Vân	16/04/2002	25V.CKT21.2NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
100	2563012016	Phạm Thị Long	Xuyên	13/08/1998	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
101	2563012017	Phan Thị Tố	Yên	12/10/1993	25V.CKT21.2NK	Nữ					Không đạt	nộp sai chứng chỉ
102	2563072010	Đàm Tiến	Hưng	14/01/2004	25V.CMA21.2NK1	Nam					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
103	2563072098	Đồng Thị Thanh	Nhài	21/11/1999	25V.CMA21.2NK1	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
104	2563072021	Trần Thị Hồng	Nhi	04/10/2004	25V.CMA21.2NK1	Nữ					Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt
105	2563072101	Vũ Đoàn Ánh	Tuyết	01/01/2004	25V.CMA21.2NK1	Nữ					Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mặt

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Kết quả	Ghi chú
106	2563072037	Trịnh Thị Quỳnh	Thương	17/01/2000	25V.CMA21.2NK1	Nữ			X	X	Bổ sung học phần 1,2	
107	2563072042	Nguyễn Phạm Thu	Uyên	06/02/2004	25V.CMA21.2NK1	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
108	2563072043	Tổng Đình	Vũ	04/12/1997	25V.CMA21.2NK1	Nam					Không đạt	
109	2563072044	Nguyễn Phạm Xuân	Vy	04/10/2004	25V.CMA21.2NK1	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
110	2563072051	Đỗ Minh	Anh	11/01/2001	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
111	2563072057	Phạm Thị	Duyên	06/9/2003	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
112	2563072056	Đặng Thị Mỹ	Duyên	14/7/2003	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
113	2563072058	Phạm Thùy	Dương	15/01/1990	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
114	2563072062	Huỳnh Thu	Hiền	20/11/2003	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
115	2563072068	Phạm Thị Hồng	Ngân	01/3/2004	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
116	2563072047	Ngô Sơn	Nghĩa	27/10/2003	25V.CMA21.2NK2	Nam	X	X	X	X	Đạt	
117	2563072099	Võ Thị Xuân	Nhi	02/4/2004	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
118	2563072048	Nguyễn Thị Yến	Oanh	03/10/1992	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
119	2563072088	Trần Thị Ngọc	Thảo	17/5/2001	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
120	2563072076	Nguyễn Yến	Thoa	12/10/2003	25V.CMA21.2NK2	Nữ					Không đạt	
121	2563072075	Đỗ Thị Kim	Thoa	03/10/1998	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
122	2563072074	Nguyễn Thị Anh	Thoa	09/06/2004	25V.CMA21.2NK2	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mắt, không có mồm
123	2563072077	Trịnh Bích	thuận	18/8/2003	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
124	2563072078	Bùi Thị Anh	Thư	29/12/2005	25V.CMA21.2NK2	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mắt
125	2563072080	Võ Nguyễn Phương	Uyên	23/11/2003	25V.CMA21.2NK2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
126	2563072050	Lưu Quốc	Vương	04/07/2003	25V.CMA21.2NK2	Nam	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
127	2563072091	Trương Thúy	Vy	30/07/2003	25V.CMA21.2NK2	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mắt
128	2563072046	Trần Huỳnh Như	Ý	27/01/2003	25V.CMA21.2NK2	Nữ					Không đạt	
129	2561407031	Trần Chí	Hiếu	29/12/1997	25V.CMA21.3NK	Nam					Không đạt	bảng điểm thiếu 1 mắt
130	2561407077	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	29/10/2004	25V.CMA21.3NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
131	2561407081	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	28/10/2003	25V.CMA21.3NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Kết quả	Ghi chú
132	2563062004	Phạm Thị Hồng	Hạnh	11/09/2003	25V.CQT21.2NK	Nữ			X	X	Bổ sung học phần 1,2	
133	2563062010	Phạm Thị Minh	Mẫn	09/07/2004	25V.CQT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
134	2563062012	Hồ Thị Lệ	Nương	06/01/1998	25V.CQT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
135	2563062016	Lê Thị Thu	Thảo	29/01/2004	25V.CQT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
136	2563062017	Nguyễn Thị Kim	Thảo	06/04/1998	25V.CQT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
137	2563062034	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/08/1989	25V.CQT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
138	2563062019	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/04/2003	25V.CQT21.2NK	Nữ					Không đạt	
139	2563062037	Vũ Thị Thu	Trang	11/11/1988	25V.CQT21.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
140	2563062023	Lê Thị Kim	Xuân	23/03/2003	25V.CQT21.2NK	Nữ					Không đạt	
141	2563062025	Ngô Hồng	Yến	27/07/2001	25V.CQT21.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
142	2561406023	Trần Thị Tuyết	Nhi	05/06/2003	25V.CQT21.3NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
143	2563041025	Mai Đức Thành	Công	21/06/1998	25V.CTC21.1NK	Nam	X	X	X	X	Đạt	
144	2563041003	Dương Thị Thùy	Dương	13/02/2004	25V.CTC21.1NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
145	2563041030	Huỳnh Trung	Hiếu	24/9/2001	25V.CTC21.1NK	Nam	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
146	2563041042	Phan Thị Cẩm	Mỹ	23/7/1999	25V.CTC21.1NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
147	2563041049	Lê Hoàng	Vũ	21/05/2003	25V.CTC21.1NK	Nam					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
148	2563041050	Hồ Vương	Vương	06/06/2001	25V.CTC21.1NK	Nam	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
149	2563041051	Đặng Thị Thanh	Xuân	30/09/1999	25V.CTC21.1NK	Nữ	X	X			Bổ sung học phần 3,4	
150	2561404038	Nguyễn Thị Kim	Thảo	06/4/1998	25V.CTC21.3NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
151	2562012005	Lê Kim	Ngọc	15/03/1989	25V.DKT11.2NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
152	2562072001	Đào Đức	Đạt	27/8/1997	25V.DMA11.2NK	Nam	X	X	X	X	Đạt	
153	2562072006	Lê Thị Thảo	Nghi	08/8/2000	25V.DMA11.2NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
154	2562041002	Đoàn Yến	Ly	21/10/2000	25V.DTC11.1NK	Nữ					Không đạt	chứng chỉ thiếu 1 mặt
155	2561073034	Hà Văn	An	13/7/1998	25V.PMA21.3NK	Nam	X	X	X	X	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Kết quả	Ghi chú
156	2561073019	Phan Như	Hào	09/02/1996	25V.PMA21.3NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
157	2561073037	Nguyễn Thụy Nhật	Hoàng	05/02/2001	25V.PMA21.3NK	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
158	2561073021	Nguyễn Khánh	Ly	19/02/2003	25V.PMA21.3NK	Nữ			X	X	Bổ sung học phần 1,2	
159	2573061057	Huỳnh Ngọc	Mai	09/3/2003	25X.CQT-K1.2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
160	2573104020	Lê Quang	Phú	07/9/1994	25X.CTA4.2	Nam	X	X	X	X	Đạt	
161	2572104029	Châu Thị	Lài	10/11/1978	25X.DTA4.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
162	2572104030	Lê Thị Mộng	Linh	03/4/1981	25X.DTA4.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
163	2572104037	Hồ Đức	Nguyên	01/11/2001	25X.DTA4.1.ILFM	Nam	X	X	X	X	Đạt	
164	2572104106	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	18/7/1992	25X.DTA4.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
165	2572104045	Nguyễn Hồng	Thái	20/3/1982	25X.DTA4.1.ILFM	Nam	X	X	X	X	Đạt	
166	2572104046	Huỳnh Phạm Anh	Thảo	28/01/2003	25X.DTA4.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
167	2572104049	Huỳnh Phước	Thiện	03/5/1999	25X.DTA4.1.ILFM	Nam	X	X	X	X	Đạt	
168	2572104114	Trần Thị Hoài	Thương	12/5/2001	25X.DTA4.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
169	2572104051	Trương Đình	Thương	07/5/1996	25X.DTA4.1.ILFM	Nam	X	X	X	X	Đạt	
170	2572104054	Nguyễn Thị Hồng	Trân	09/8/1996	25X.DTA4.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
171	2572104118	Tô Thành	Trung	09/7/1999	25X.DTA4.1.ILFM	Nam	X	X	X	X	Đạt	
172	2572104059	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	12/3/1983	25X.DTA4.1.ILFM	Nữ	X	X	X	X	Đạt	
173	2572104169	Nguyễn Ngọc Băng	Tâm	12/8/1997	25X.DTA-K4.2	Nữ	X	X	X	X	Đạt	

Tổng số sinh viên theo danh sách: 173 sinh viên./.